TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GV THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 470/2023/DS-ST.
Ngày: 28/9/2023.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GV, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa – Thẩm phán: Ông Đặng Đình Tiến.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Minh Thanh.

2. Ông Võ Thành Viên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân quận GV.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận GV tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Thu Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận GV, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 244/2023/TLST-DS, ngày 04/05/2023 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 501/2023/QĐXXST - DS ngày 17 tháng 8 năm 2023, và Quyết định hoãn phiên tòa số 430/2023/QĐST-DS, ngày 06 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng X.

Trụ sở chính: Phường V.T.S, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật có bà N.D.T.D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền ông T.Đ.T.

(Giấy ủy quyền số 133/2023/UQ – TGĐ ngày 06/02/2023).

(Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông N.H.N.D, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Số A, Phường B, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông D vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/04/2023, nguyên đơn Ngân hàng X (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông T.Đ.T trình bày:

Ngày 25/5/2018 ông N.H.N.D có ký với Ngân hàng hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – tất cả tài liệu này được gọi chung là hợp đồng) hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân lãi suất là 2.6%/tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 10.373.100 đồng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông D phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay, ông D đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 8.465.000 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được thanh toán theo thứ tự như sau:

- Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước.
- Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước.
- Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước.
- Cách khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ.
- Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ.
- Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông D vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/02/2020, Ngân hàng đã chấm dứt việc sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 7.775.926 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 28/9/2023, ông D còn nợ các khoản sau (chi tiết lãi quá hạn trong sao kê tóm tắt đính kèm):

+ Nợ gốc: 7.775.926 đồng.

+ Lãi quá hạn: 13.441.826 đồng.

+ Tổng cộng: 21.217.752 đồng.

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền gốc 7.775.926 đồng với lãi suất quá hạn 3.9%/tháng (2.6% x 150%) từ ngày Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu quá hạn cho đến hiện tại.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông D, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay các khoản nợ quá hạn, đồng thời, Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ. Tuy nhiên, ông D vẫn chưa thanh toán hoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ngân hàng, ông yêu cầu giải quyết:

- Buộc ông D phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 28/9/2023 là 21.217.752 (Hai mươi mốt triệu hai trăm mười bảy ngàn bảy trăm năm mươi hai) đồng trong đó:

. Nợ gốc: 7.775.926 đồng.

. Lãi quá hạn: 13.441.826 đồng.

- Và có trách nhiệm thanh toán lãi phát sinh từ ngày 29/9/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn ông N.H.N.D, theo kết quả trả lời xác minh của công an Phường B, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung: Ông D không thực tế cư trú và sinh sống tại địa chỉ Số A, Phường B, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên trong hợp đồng tín dụng thể hiện ông D cư trú tại địa chỉ nêu trên. Do đó Tòa án xác định địa chỉ Số A, Phường B, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh là nơi cư trú cuối cùng của ông D, ông D chuyển đi nhưng không cung cấp địa chỉ nơi chuyển đến thuộc trường hợp cố tình dấu địa chỉ cư trú, do đó Tòa án niêm yết Giấy triệu tập ông D tại địa chỉ nêu trên đến Tòa án ghi lời khai, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận GV:

- Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên toà sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các Điều 70 và 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông D phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ cho Ngân hàng là 21.217.752 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Về *thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Ngân hàng khởi kiện ông D về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Nơi cư trú cuối cùng của ông D tại quận Gò Vấp. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về người tham gia tố tụng:

Ông D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D là đúng với thủ tục được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] *Xét yêu cầu của đương sự:*

Căn cứ lời trình bày của đại diện nguyên đơn: "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 28/5/2018 giữa ông D với Ngân hàng có trong hồ sơ vụ án đã thể hiện từ 22/6/2018, ông D có sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng để thanh toán tiền. Tuy nhiên, ông D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, cụ thể ngày 22/3/2020 đã không thanh toán số tiền gốc và lãi phải trả. Như vậy, ông D đã vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông D phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng tiền gốc và tiền lãi là có cơ sở, phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng, phù hợp với quy định tại các Điều 280, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông D phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền 21.217.752 đồng. Ngoài ra, đại diện nguyên đơn yêu cầu ông D còn phải thanh toán tiền lãi theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 29/9/2023 cho đến khi trả dứt nợ cho Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này là có cơ sở nên chấp nhận.

Chấp nhận toàn bộ đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận GV.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm e khoản 1 Điều 192; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 280, khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 6,7, 7a, 7b, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X đối với ông N.H.N.D:

Buộc ông D phải trả cho Ngân hàng X số tiền 21.217.752 (Hai mươi mốt triệu hai trăm mười bảy ngàn bảy trăm năm mươi hai) đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông D vẫn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 28/5/2018, Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài gòn Thương Tín có hiệu lực từ ngày 15/8/2016, kể từ ngày 29/9/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí:

Ông D phải chịu 1.060.888 (Một triệu không trăm sáu mươi ngàn tám trăm tám mươi tám) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 469.790 (Bốn trăm sáu mươi chín ngàn bảy trăm chín mươi) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0013211 ngày 27/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; (01)
- Viện kiểm sát nhân dân quận GV; (01)
- Chi cục Thi hành án dân sự quận GV; (01)
- Các đương sự; (02)
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ. (5)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Đình Tiến